TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 111A/2025/QĐ-PT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương;

Ông Trần Văn Đạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 727/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Văn P, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: Số I Hồ N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Số E, Lô C, Ấp E, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số B N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Bà Văn Thị Diễm T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số F đường A KDC B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1999;

Địa chỉ liên hệ: Số F B N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1948.
2. Bà Lưu Thị X, sinh năm 1970.
3. Bà Lưu Thúy Á, sinh năm 1974.
4. Ông Lưu Cường T1, sinh năm 1979.
5. Ông Lưu Văn Thịnh T2, sinh năm 1983.

Cùng ngụ tại: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

6. Ông Lưu Văn C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số I Hồ N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền của các ông/bà Võ Thị L1, Lưu Thị X, Lưu Thủy Á1, Lưu Cường T1, Lưu Văn Thịnh T2, Lưu Văn C*:* Ông Lưu Văn P.

7. Bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, C, Long An.

8. Bà Trần Thị S, sinh năm 1965.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số B N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Huỳnh Văn T4, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số D L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Văn P.

10. Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số A C, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Phòng C1.

Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 17 tháng 10 năm 2024, nguyên đơn ông Lưu Văn P kháng cáo không đồng ý với toàn bộ Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án số 727/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp đề nghị Hội đồng phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên.

XÉT THẤY:

[1] Về nguồn gốc và quá trình biến động của tài sản tranh chấp trong vụ án:

Nhà và đất là đối tượng tranh chấp trong vụ án tọa lạc tại số B N (số cũ: 133 đường N, trước đó là đường T), Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản này có nguồn gốc từ thời bà Trần Thị Út . Theo bản kê khai nhà cửa ngày 26/12/1977 và Giấy phép hợp thức hóa chủ quyền nhà ngày 07/8/1986, bà Ú là chủ sở hữu của căn nhà và được hợp thức hóa quyền sở hữu nhà.

Về quan hệ nhân thân: ông Lưu Văn Đ (chết năm 1947) và bà Trần Thị Ú (chết năm 1995) là vợ chồng. Ông Đ có 02 người con gồm ông Lưu Văn P1 (chết khi còn nhỏ) và ông Lưu Văn T5 (chết năm 2012). Ông T5 có vợ là bà Võ Thị L1 cùng 06 người con gồm các ông/bà Lưu Thị X, Lưu Thủy Á1, Lưu Cường T1, Lưu Văn Thịnh T2, Lưu Văn C và nguyên đơn ông Lưu Văn P.

Sau khi ông Đ mất, bà Ú chung sống như vợ chồng và không đăng ký kết hôn với ông S1. Đến ngày 31/7/1984 thì ông S1 và bà Ú ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 43/TL của Tòa án nhân dân Quận 6, trong Quyết định số 43 này có đề cập đến căn nhà số A T, Phường A, Quận F được giao cho bà Ú sở hữu.

Đến ngày 11/6/1994, bà Ú lập di chúc với nội dung để thừa kế lại toàn bộ căn nhà trên cho ông Huỳnh Văn M, di chúc được công chứng theo quy định. Năm 2018, ông M đăng ký hợp thức hóa nhà đất và được Ủy ban nhân dân Quận F cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 345939, số vào sổ cấp GCN: CH32208 đối với nhà đất số B N.

Trước khi ông M được cấp sổ theo quy định, ông Lưu Văn T5 có khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 6, tranh chấp di sản thừa kế với ông Huỳnh Văn M với đối tượng tranh chấp là nhà đất nói trên. Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân Quận 6 đã ban hành Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 49/2012/QĐST-DS ngày 20/3/2012 với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Sau khi Quyết định đình chỉ nêu trên bị kháng cáo, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét và ban hành Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 553/2012/QĐPT ngày 23/5/2012 với nội dung giữ nguyên Quyết định đình chỉ số 49.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Văn P:

Ngày 01/12/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án tranh chấp thừa kế tài sản giữa nguyên đơn ông Lưu Văn P và bị đơn ông Huỳnh Văn M đối với nhà đất tại số B N. Quá trình giải quyết, cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án số 727/2024/QĐST-DS ngày 23/9/2024 với những căn cứ đã nêu và ông P kháng cáo không đồng ý với quyết định này.

Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

Tài sản tranh chấp trong vụ án này là nhà và đất tọa lạc tại số B N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn ông Lưu Văn P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật vì cho rằng tài sản này là di sản ông Đ, bà Ú chết để lại; đây là tài sản chung của ông Đ, bà Ú nên việc bà Ú tự định đoạt đối với toàn bộ di sản là không đúng; ông P là con ông T5, cũng là người thừa kế hợp pháp đối với một phần di sản.

Tuy nhiên như đã đề cập, trước đây ông Lưu Văn T5 từng khởi kiện ông Huỳnh Văn M về tranh chấp tương tự. Tại Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 49/2012/QĐST-DS ngày 20/3/2012, Tòa án nhân dân Quận 6 đã đình chỉ vụ án với lý do hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế; Quyết định nói trên đã được giữ nguyên bằng Quyết định số 553/2012/QĐPT ngày 23/5/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, vụ án này đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Ngoài ra, Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn số 43/TL của Tòa án nhân dân Quận 6 cũng đã ghi nhận nhà và đất trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị Út .

[3] Điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự về đình chỉ giải quyết vụ án, dẫn chiếu đến điểm c khoản 1 Điều 192 về các trường hợp trả lại đơn khởi kiện như sau:

"1. Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau đây::

[...] c) Sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền…".

Như đã phân tích, việc cấp sơ thẩm xác định ông Lưu Văn P tiếp tục khởi kiện đối với vụ án đã được giải quyết bằng các quyết định có hiệu lực pháp luật,

từ đó quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do đã nêu là có cơ sở.

[4] Ông Lưu Văn P kháng cáo yêu cầu hủy quyết định đình chỉ nhưng không cung cấp được tình tiết, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lưu Văn P;

Giữ nguyên Quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 727/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí: Ông Lưu Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0069014 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Người kháng cáo (1);
- Lưu: VP (5), HS(2).13.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thụy Vũ